TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2024
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Mai Thị Huệ
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1006/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Tổ I, ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn L, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Tổ I, ấp B, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(bà V, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2023, quá trình tham gia tố tụng và đơn đề nghị về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh V trình bày*:

Bà và ông L là vợ chồng có đăng kí kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L theo giấy chứng nhận số 85 ngày 21/8/2013, trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn xảy ra từ năm 2016 do ông L thường xuyên uống rượt say xỉn về nhà chửi bới, đánh đập vợ con. Vào tháng 7/2022 ông L đánh đuổi rượt mẹ con bà nên có gọi báo công an xã nhưng công an xã A không xuống được. Đến tháng

10/2023 ông cũng say xỉn và chửi bới đánh đập đuổi nên bà đã dẫn con về nhà mẹ ruột bà sinh sống và vợ sống ly thân từ năm tháng 10/2023 đến nay. Bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông L nữa nên yêu cầu Tòa giải quyết cho bà ly hôn ông L. Nếu Tòa án không giải quyết cho bà ly hôn thì bà cũng không quay về chung sống với ông L được nữa.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Nguyễn Trung H, sinh ngày 26/3/2006, cháu H đã trưởng thành và có khả năng lao động.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Không có.

Do bà bận công việc nên đề nghị Tòa xét xử vắng mặt bà.

** Tại bản tự khai ngày 11/3/2024 và đơn đề nghị về việc giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn ông Đỗ Văn L trình bày:*

Ông và bà V xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã L. Trong quá trình chung sống vợ chồng có cãi nhau nhưng mâu thuẫn không trầm trọng, theo ông vợ chồng chỉ cãi nhau như các cặp vợ chồng khác nguyên nhân là do ông có uống rượu, có la mắng vợ con, cách đây khoảng 3, 4 năm ông có đánh bà V mấy bạt tai. Bà V trình bày tháng 7/2023 ông rượt đánh 02 mẹ con là không có, lúc say xỉn có đuổi 02 mẹ con đi do nóng giận nhất thời chứ không muốn đuổi đi. Từ tháng 10/2023 thì bà V dọn đồ về nhà mẹ ruột ở khu K, thị trấn L ở cho đến nay. Nguyện vọng của ông là muốn gia đình đoàn tụ vì ông vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà V nên ông không đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Nếu bà V kiên quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý giao con cho bà V nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

Do công việc ông ở xa nên đề nghị Tòa giải quyết, xét xử vắng mặt ông, ông cam đoan không thắc mắc khiếu nại gì.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn; Căn cước công dân bà V; Trích lục khai sinh của Đỗ Nguyễn Trung H; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản thông tin về người được trợ giúp pháp lý; Biên bản ghi nhận ý kiến; Bản thông tin về người được trợ giúp pháp lý; Biên bản ghi nhận ý kiến lựa chọn hòa giải viên; Bản tự khai ngày 11/01/2024, ngày 24/5/2024 của bà V; đơn đề nghị xác minh thu thập chứng cứ ngày 05/4/2024 của bà V; Bản tự khai ngày 11/01/2024 của cháu Đỗ Nguyễn Trung H; Bản tự khai ngày 11/3/2024 và đơn đề nghị về việc giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 11/3/2024 của ông L; Căn cước công dân tên Đỗ Văn L; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã A ngày 25/4/2024.

Các tình tiết các bên thống nhất: Về con chung: Ông L đồng ý giao con chung cho bà V nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Các bên khai không có.

Tình tiết các bên không thống nhất: Bà V xin ly hôn, ông L không đồng ý.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn cũng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Bà V, ông L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà V, ông L.

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, bà V trình bày trong thời gian chung sống ông L thường uống rượu, có đánh đuổi bà với con và sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay; theo ông L trình bày vợ chồng có cãi nhau nhưng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, chỉ có cải nhau như các cặp vợ chồng khác và đã sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay. Như vậy xét ông bà đã sống ly thân một thời gian nhưng cả hai đều không có hướng bàn bạc đoàn tụ cùng xây dựng gia đình nuôi dạy con cái, mục đích hôn nhân của bà V và ông L không đạt được, không hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ pháp luật.

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà V ly hôn ông L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Nguyễn Trung H, sinh ngày 26/3/2006, hiện cháu H đã trưởng thành và có khả năng lao động. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Bà V chịu án phí ly hôn theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc tham gia phiên tòa đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh V và bị đơn ông Đỗ Văn L, bà V, ông L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà V, ông L.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà V, ông L tự nguyện đăng ký kết hôn và được tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L theo giấy chứng nhận số 85, quyển số 01 ngày 21/8/2013 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Quá trình chung sống theo bà V trình bày trong thời gian chung sống ông L thường uống rượu, có đánh đuổi bà và con, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay; theo ông L trình bày vợ chồng có cãi nhau nhưng không có

mâu thuẫn gì trầm trọng, chỉ có cãi nhau như các cặp vợ chồng khác, cách đây vài năm ông cũng có đánh bà V và có đuổi hai mẹ con bà V đi, sau này đã sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay. Xét thấy, ông L cũng xác định có lúc đánh và có lần đuổi bà V và con đi khi có uống rượu, dù ông cho rằng không muốn như vậy nhưng trong đời sống vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc mà có hành vi bạo lực làm ảnh hưởng đến cuộc sống vợ chồng, tinh thần của các thành viên trong gia đình. Từ sau khi vợ chồng sống ly thân ông cũng chưa có biện pháp hàn gắn đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án mời hòa giải nhằm mục đích để các bên hàn gắn đoàn tụ nhưng ông L đều vắng mặt. Như vậy, tình trạng của vợ chồng bà V, ông L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V, xử cho bà được ly hôn ông L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Nguyễn Trung H, sinh ngày 26/3/2006, hiện cháu H đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Điều 56, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh V về việc "Tranh chấp ly hôn" đối với ông Đỗ Văn L, xử cho bà Nguyễn Thị Thanh V được ly hôn ông Đỗ Văn L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Nguyễn Trung H, sinh ngày 26/3/2006, đã trưởng thành và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0015084 ngày 19/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Bà Nguyễn Thị Thanh V, ông Đỗ Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- UBND xã Long An
GCNKH số 85 ngày 21/8/2013 (1);
- Đương sự (2);
- Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc An